

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/DS-ST.

Ngày: 01-10-2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyễn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Mai Thị Nhắc**.

+ Ông **Phạm Văn Nam**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Nhật Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Quỹ Tín dụng A**, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Hà Văn P** - Sinh năm: 1979, địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

+ Ông **Nguyễn Thanh P** - Sinh năm: 1932 (đã chết)

+ Bà **Ngô Thị B** - Sinh năm: 1939;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh P:

+ Bà **Ngô Thị B** - Sinh năm: 1939; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre - Là vợ của ông Nguyễn Thanh P (cũng là bị đơn trong vụ án).

+ Bà **Nguyễn Thị Thanh N** - Sinh năm: 1977, địa chỉ: Khu phố K, thị trấn L, huyện C, tỉnh Bến Tre - Là con của ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B.

+ Ông **Nguyễn Thanh N** - Sinh năm: 1979, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre - Là con của ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh N: Ông **Nguyễn Văn P** - Sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố K, thị trấn L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, Quỹ Tín dụng A có cho ông Nguyễn Thanh P, bà Ngô Thị B vay số tiền là 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số: 2018.1280/HĐTD, thời hạn vay là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay là 12,78%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 19,17%/năm.

Ông Nguyễn Thanh P, bà Ngô Thị B có thể chấp quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 3042,0m² thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B vào ngày 04 tháng 11 năm 2013 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 85 HĐTC-QTDPH ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa Quỹ Tín dụng A với ông Nguyễn Thanh P, bà Ngô Thị B.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Thanh P, bà Ngô Thị B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền và do ông Nguyễn Thanh P đã chết nên Quỹ Tín dụng A yêu cầu bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc là 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 19 tháng 12 năm 2019 là 21.822.300đồng (hai mươi một triệu tám trăm hai mươi hai ngàn ba trăm đồng) và yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 1,575%/tháng.

Trường hợp bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với 3042,0m² đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre để thanh toán nợ cho Quỹ Tín dụng A.

Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Ngô Thị B trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh P có vay của Quỹ Tín dụng A số tiền là 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và có thế chấp phần đất thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre để vay khoản tiền trên, chỉ thế chấp phần đất, cây trồng trên đất không có thế chấp nhà. Hiện nay vẫn còn nợ số tiền gốc và tiền lãi như người đại diện theo ủy quyền của Quỹ Tín dụng A trình bày. Số tiền vay của Quỹ tín dụng A là để ông Nguyễn Thanh N sử dụng mua bán dừa khô, bà và ông Nguyễn Thanh P không có sử dụng số tiền này nên bà không đồng ý trả số nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Quỹ Tín dụng A mà yêu cầu ông Nguyễn Thanh N có trách nhiệm trả số tiền gốc và tiền lãi cho Quỹ Tín dụng A.

Tại bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh N trình bày: Ông N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng A. Tuy nhiên, ông N đang gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị xử lý tài sản thế chấp là 3042,0m² đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre để thanh toán nợ cho Quỹ Tín dụng A.

Bà Nguyễn Thị Thanh N vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc là 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2018 đến ngày 01 tháng 10 năm 2020 là 44.143.500đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng) và yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 2018.1280/HĐTD ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa Quỹ Tín dụng A với ông Nguyễn Thanh P, bà Ngô Thị B. Trường hợp bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với 3042,0m² đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre để thanh toán nợ cho Quỹ Tín dụng A.

Bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Văn P (người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh N) vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án,

phân tích, đánh giá lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng A: Buộc bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N phải trả số nợ gốc và lãi là 194.143.500 đồng (một trăm chín mươi bốn triệu một trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng) và tiền lãi kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp, bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N không trả hết được nợ thì xử lý tài sản thế chấp là 3042,0m² đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre để thanh toán nợ cho Quỹ Tín dụng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Ngô Thị B, ông Nguyễn Thanh P có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N vắng mặt trong giai đoạn hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hà Văn P và ông Nguyễn Văn P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, riêng ông Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà B, bà N, ông Nguyễn Văn P là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Ngô Thị B cho rằng khoản vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) nêu trên của Quỹ Tín dụng A là do bà và ông Nguyễn Thanh P vay nhưng ông Nguyễn Thanh N là người sử dụng số tiền này để mua bán dừa khô nên bà không đồng ý trả mà yêu cầu ông N phải trả số tiền gốc, lãi cho Quỹ Tín dụng A. Theo Hợp đồng tín dụng số: 2018.1280/HĐTD ngày 19 tháng 11 năm 2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 85 HĐTC-QTDPH ngày 16 tháng 11 năm 2018 được ký kết giữa Quỹ Tín dụng A với bà Ngô Thị B, ông Nguyễn Thanh P. Ông Nguyễn Thanh N không có thỏa thuận hay ký kết để vay khoản tiền trên của Quỹ Tín dụng A. Trong khi đó việc tranh chấp về khoản tiền vay giữa bà Ngô Thị B với ông Nguyễn Thanh N đã được giải quyết tại bản án phúc thẩm số: 179/2020/DS-PT ngày 13 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định khoản nợ nêu trên là của bà Ngô Thị B và ông Nguyễn Thanh P.

[4] Yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng A là phù hợp với nội dung của Hợp đồng tín dụng số: 2018.1280 ngày 19 tháng 11 năm 2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 85 HĐTC-QTDPH ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa Quỹ Tín dụng A với ông Nguyễn Thanh P, bà Ngô Thị B và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Trên phần đất thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre có nhà một tầng, các nhà tiền chế, hàng rào do ông N đang sử dụng, một ngôi nhà cây gỗ tạp của bà N (hiện không có ai ở, sử dụng), một ngôi nhà do bà B đang sử dụng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng phần các ngôi nhà là không có thể chấp mà ông Nguyễn Thanh P, bà B chỉ thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền của Quỹ Tín dụng A. Việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa Quỹ Tín dụng A với ông Nguyễn Thanh P, bà Ngô Thị B là phù hợp với quy định của pháp luật nên trong trường hợp, bà B, bà N, ông N không trả được các khoản nợ trên cho Quỹ Tín dụng A thì xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Quỹ Tín dụng A.

[6] Về xử lý tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản: Tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 3.632.000đồng (ba triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng), số tiền này Quỹ Tín dụng A đã nộp đủ. Yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng A được chấp nhận nên bà B, bà N, ông N có nghĩa vụ liên đới giao trả lại số tiền này cho Quỹ Tín dụng A.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B, ông Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% của tổng số tiền nợ phải trả cho Quỹ Tín dụng A. Bà B, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh P không có đơn yêu cầu miễn nộp án phí nên phải nộp khoản án phí này.

[8] Do ông Nguyễn Thanh P đã chết vào ngày 07 tháng 02 năm 2019 nên bà B và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh P là bà B, bà N, ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ khoản nợ gốc, tiền lãi, tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản cho Quỹ Tín dụng A và án phí nêu trên; trong đó bà N, ông N thực hiện nghĩa vụ nêu trên trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Thanh P để lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 320, 321, 322, 323, 466, 468, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các điều 5, 74, 147, 157, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ Tín dụng A số nợ gốc là 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2020 là 44.143.500đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng).

2/ Kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ, bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 2018.1280/HĐTD ngày 19 tháng 11 năm 2018 được ký kết giữa Quỹ Tín dụng A với bà Ngô Thị B, ông Nguyễn Thanh P.

3/ Trường hợp bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N không trả hết được các khoản tiền cho Quỹ Tín dụng A thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với 3042,0m² đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Ngô Thị B, ông Nguyễn Thanh P vào ngày 04 tháng 11 năm 2013, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00101) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 85 HĐTC-QTDPH ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa Quỹ Tín dụng A với ông Nguyễn Thanh P, bà Ngô Thị B để thanh toán nợ cho Quỹ Tín dụng A.

4/ Buộc bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Quỹ Tín dụng A 3.632.000đồng (ba triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng) tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1) Hoàn trả lại cho Quỹ Tín dụng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 4.296.000đồng (bốn triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008174 ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

5.2) Buộc bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ liên đới nộp 9.707.000đồng (chín triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ gốc, tiền lãi, tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc,

định giá tài sản cho Quỹ Tín dụng A và nộp án phí như đã nêu trên trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Thanh P để lại.

7/ Về quyền kháng cáo: Quỹ Tín dụng A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

8/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên